

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 4 – 2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Danh Thị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Chị K có mặt, anh T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Danh Thị K trình bày: Chị và anh Lê Văn T là vợ chồng cưới nhau từ năm 2003, đến ngày 07/02/2006 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh T

ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 14/8/2006 và Lê Ngọc B, sinh ngày 01/02/2016. Hiện cháu H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, chị giao cháu B cho anh T nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản: Chị K xác định chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K xác định chị và anh T không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 26/02/2021, bị đơn anh Lê Văn T thống nhất lời trình bày của chị K về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh T xác nhận có 02 con chung như chị K trình bày. Khi ly hôn, anh xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh T xác định anh và chị K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Danh Thị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Anh T hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là anh Lê Văn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Danh Thị K:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Danh Thị K và anh Lê Văn T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 10 đăng ký ngày 07/02/2006 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp, nên xác định hôn nhân giữa chị K và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị K và anh T có phát sinh mâu thuẫn. Chị K yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị K và anh T là có thật, cả chị K và anh T đều xin vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ cả hai cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, càng chứng tỏ rằng quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh T là có cơ sở, nên chấp nhận xử cho chị K được ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Lê Thị H, sinh ngày 14/8/2006 đã đủ 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với chị K. Đối với con chung tên Lê Ngọc B, sinh ngày 01/02/2016 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của con chung muốn sống với ai. Anh T có nguyện vọng nuôi 02 con chung nhưng anh T luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại cháu B đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở yêu cầu của chị K, anh T và ý kiến của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần tiếp tục giao con chung là cháu Lê Thị H cho chị K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, đúng với nguyện vọng của con và anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu B là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị K và anh T không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản chung: Chị K xác định chị và anh T tự thỏa thuận tài sản chung. Anh T xác định anh và chị K không có tài sản chung. Cả chị K và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị K và anh T xác định không có nợ chung, Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc chị Danh Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 207, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị K.

1. Về hôn nhân: Chị Danh Thị K được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Danh Thị K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Lê Thị H, sinh ngày 14/8/2006. Anh Lê Văn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Lê Ngọc B, sinh ngày 01/02/2016. Chị K và anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc Chị Danh Thị K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Chị K đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007238 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Chị K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc,
huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc